BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13/2019/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2019*

THÔNG TƯ
Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa.

Điều 1. Tên và ký hiệu Quy chuẩn

Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa.

Ký hiệu: QCVN 37:2019/BLĐTBXH.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, cung cấp, sử dụng đối với Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Quy chuẩn ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các tổ chức thực hiện việc kiểm định, chứng nhận hợp quy đối với Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa phải tuân theo các quy định tại Quy chuẩn ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Tấn Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 37:2019/BLĐTBXH

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI QUẦN ÁO BẢO VỆ CHỐNG NHIỆT VÀ LỬA

National technical regulation for Clothing to protect against heat and flame

HÀ NỘI - 2019

Lời nói đầu

QCVN 37:2019/BLĐTBXH do Cục An toàn lao động biên soạn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành theo Thông tư số 13/2019/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 9 năm 2019, sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

QCVN 37:2019/BLĐTBXH

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI QUẦN ÁO BẢO VỆ CHỐNG NHIỆT VÀ LỬA

National technical regulation for Clothing to protect against heat and flame

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy chuẩn này quy định các yêu cầu về an toàn lao động đối với trang phục làm từ vật liệu mềm dẻo: quần áo, ghẹt, mũ trùm đầu và ủng các cổ đi liền với quần áo bảo vệ được thiết kế để bảo vệ cơ thể người mặc khỏi nhiệt và lửa, không kể bàn tay. Đối với mũ trùm đầu, các yêu cầu về tấm che mặt và thiết bị thở không thuộc phạm vi áp dụng của quy chuẩn này.

- Quy chuẩn này không áp dụng cho quần áo bảo vệ dùng khi chữa cháy và quần áo sử dụng trong quá trình hàn và đúc.

1.2. Đối tượng áp dụng

1.2.1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, cung cấp và sử dụng quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa.

1.2.2. Các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chuẩn này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Sự lão hóa

Sự thay đổi tính năng của sản phẩm theo thời gian trong khi sử dụng hoặc cất giữ.

1.3.2. Làm sạch

Quá trình làm cho phương tiện bảo vệ cá nhân (PTBVCN) có thể mặc lại được và hợp vệ sinh bằng cách loại bỏ bụi hoặc chất bẩn.

1.3.3. Tổ hợp quần áo

Loạt các trang phục ở phía ngoài và phía trong được mặc cùng với nhau

1.3.4. Bộ phận

Bất kỳ vật liệu, phần hoặc cụm lắp ráp nào được sử dụng trong cấu trúc của một PTBVCN.

1.3.5. Tổ hợp bộ phận

Sự kết hợp của tất cả các vật liệu trong trang phục nhiều lớp được bố trí chính xác như kết cấu trang phục hoàn chỉnh.

1.3.6. Điều hòa mẫu

Giữ mẫu dưới các điều kiện chuẩn về nhiệt độ và độ ẩm tương đối trong một khoảng thời gian tối thiểu.

1.3.7. Ghệt

Lớp phủ có thể tháo ra được dùng để bảo vệ phần ống chân ở phía dưới đầu gối và có thể phủ ngoài giầy.

1.3.8. Trang phục

Bộ phận đơn lẻ của quần áo có thể bao gồm một hoặc nhiều lớp.

1.3.9. Phần cứng

Các chi tiết không làm bằng vải, là thành phần của trang phục hoặc vật thêm vào không bắt buộc.

1.3.10. Mũ trùm đầu

PTBVCN được làm từ vật liệu mềm dẻo, trùm toàn bộ đầu và cổ.

1.3.11. Lớp lót trong cùng

Bề mặt trong cùng của tổ hợp bộ phận gần với da của người sử dụng nhất.

1.3.12. Lớp lót giữa

Lớp ở giữa lớp ngoài cùng và lớp lót trong cùng trong trang phục có nhiều lớp.

1.3.13. Vật liệu

Chất, các chất mềm dẻo tạo thành chi tiết của quần áo.

1.3.14. Vật liệu phía ngoài

Vật liệu ngoài cùng tạo thành chi tiết của quần áo.

1.3.15. Tấm trùm giầy

Một hoặc nhiều lớp vật liệu phủ ngoài giầy ủng để bảo vệ chống nhiệt và lửa.

1.3.16. Túi ngoài

Túi đặt ở bên ngoài của trang phục bảo vệ, được may như một miếng ráp phía trên lớp ngoài của trang phục bảo vệ.

1.3.17. Xử lý sơ bộ

Phương pháp chuẩn để chuẩn bị mẫu trước khi thử.

1.3.18. Đường may

Phương pháp dùng để gắn kết cố định hai hoặc nhiều mảnh vật liệu với nhau.

1.3.19. Đường may chính

Các đường may cần thiết để hoàn chỉnh trang phục.

1.3.20. Đường may riễu

Đường may trên toàn bộ hoặc một phần của một hoặc nhiều lớp vật liệu, phủ lên một hoặc nhiều lớp khác tạo ra gờ.

1.3.21. Quần áo bảo vệ

Quần áo mặc chùm ngoài hoặc thay thế quần áo cá nhân được thiết kế nhằm chống lại một hoặc nhiều yếu tố nguy hiểm.

1.4. Tài liệu viện dẫn

1.4.1. TCVN 6875:2010 Quần áo bảo vệ - quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa

1.4.2. TCVN 7206:2002 Quần áo và thiết bị bảo vệ chống nóng - phương pháp thử độ bền nhiệt đối lưu sử dụng lò tuần hoàn dòng khí nóng

1.4.3. TCVN 7205:2002 Quần áo bảo vệ - quần áo chống nóng và chống cháy - phương pháp thử

1.4.4. TCVN 8041:2009 Vật liệu dệt - xác định sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô

1.4.5. ISO 13934-1:1999

QCVN 37:2019/BLĐTBXH

1.4.6. TCVN 7121:2014 da - phép thử cơ lý - xác định độ bền kéo và độ bền giãn dài

1.4.7. ISO 13938-1:1999

1.4.8. ISO 13935-2:1999

1.4.9. TCVN 7129:2010 Da - phép thử hóa học - xác định chất hòa tan trong diclometan và hàm lượng axit béo tự do

1.4.10. TCVN 7422:2007 Vật liệu dệt - phương pháp xác định pH của dung dịch chiết đối với vật liệu dệt

1.4.11. TCVN 7127:2010 Da - phép thử hóa học - xác định pH đối với da.

1.4.12. TCVN 6877:2001 Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa - xác định độ truyền nhiệt khi tiếp xúc với lửa

1.4.13. TCVN 6878:2007 Quần áo bảo vệ - quần áo chống nóng và cháy - phương pháp thử

1.4.14. TCVN 6694:2010 quần áo bảo vệ - đánh giá khả năng chống chịu của vật liệu đối với kim loại nóng chảy văng bắn

1.4.15. TCVN 6689:2000 Quần áo bảo vệ - yêu cầu chung.

2. CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT

2.1. Thiết kế quần áo

Thiết kế quần áo bảo vệ phải tuân theo tại Phụ lục B của TCVN 6875:2010 Quần áo bảo vệ - quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa.

2.2. Yêu cầu chung

Trang phục bảo vệ chống nhiệt và lửa phải đáp ứng các yêu cầu sau:

2.2.1. Tính chịu nhiệt ở nhiệt độ (180 ± 5)^{o}C

Ở nhiệt độ (180 ± 5)^{o}C, toàn bộ vải và phần cứng sử dụng trong trang phục và/hoặc tổ hợp quần áo phải không bốc cháy hoặc nóng chảy và không co lại quá 5%. Thử nghiệm theo TCVN 7206:2002 Quần áo và thiết bị bảo vệ chống nóng- phương pháp thử độ bền nhiệt đối lưu sử dụng lò tuần hoàn dòng khí nóng.

2.2.2. Lửa cháy lan hạn chế (mã hiệu A1 và/hoặc A2)

Quy trình A (mã hiệu A1) hoặc Quy trình B (mã hiệu A2) hoặc cả hai tùy theo rủi ro hiện có trong khi sử dụng. Phải thực hiện phép thử vật liệu và đường may và phải thực hiện phép thử này cả trước và sau khi xử lý sơ bộ theo quy định trong 5 TCVN 6875:2010.

2.2.2.1. Phép thử quy trình A

a) Khi thử theo TCVN 7205:2002 Quần áo bảo vệ - quần áo chống nóng và chống cháy - phương pháp thử làm truyền cháy có giới hạn Quy trình A, mẫu thử gồm cả đường may được lấy từ trang phục một lớp, phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Không có mẫu nào bị cháy hết đầu hoặc mép;
- Không bị có lỗi trên mẫu;
- Không có mẫu nào bị nóng chảy hoặc cháy hoặc có mảnh vụn nóng chảy;
- Giá trị trung bình của thời gian cháy hoàn toàn phải ≤ 2s;
- Giá trị trung bình của thời gian tàn cháy phải ≤ 2s.

Đối với các đường may, thử ba mẫu có chứa đường may chính. Các mẫu phải được lấy theo hướng có đường may chạy chính giữa mẫu thử sao cho ngọn lửa của dụng cụ đốt chạm trực tiếp vào đường may. Đường may phải còn nguyên vẹn.

b) Trong trường hợp trang phục có nhiều lớp, mẫu thử của tổ hợp bộ phận có chứa đường may phải được thử cả tổ hợp bộ phận và đường may bằng cách cho ngọn lửa tác dụng lên bề mặt vật liệu ngoài của trang phục và lên lớp lót trong cùng của trang phục, không có mẫu nào bị có lỗ ngoại trừ lớp lót trong được sử dụng để bảo vệ riêng không phải để bảo vệ chống nhiệt.

c) Phần cứng như khóa dán và khóa kéo (móc khóa và chốt, răng) v.v., xem có hở ra hoặc che kín hay không khi tất cả các hệ thống bao kín của trang phục ở vị trí đóng, phải được thử riêng bằng cách cho ngọn lửa thử tác dụng lên mặt ngoài của tổ hợp bộ phận có chứa phần cứng đúng như thiết kế trong trang phục. Phần cứng phải giữ lại đúng chức năng sau khi thử.

d) Nhãn, phù hiệu và các vật liệu phản quang…, gắn ở mặt ngoài cùng của trang phục, phải được thử cùng với lớp ngoài để có thể lấy mẫu có kích thước. Các chi tiết này phải được thử bằng cách cho ngọn lửa tác dụng lên mặt ngoài. Các chi tiết này phải có diễn thái chống cháy tương tự như lớp ngoài của trang phục.

2.2.2.2. Phép thử quy trình B

a) Khi thử theo TCVN 7205:2002 Quy trình B, mẫu thử cho mép giấy lấy từ trang phục một lớp phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Không có mẫu nào bị cháy hết đầu hoặc mép;

- Không có mẫu nào bị nóng chảy hoặc cháy hoặc có mảnh vụn nóng chảy;

- Giá trị trung bình của thời gian cháy hoàn toàn phải ≤ 2s;

- Giá trị trung bình của thời gian tàn cháy phải ≤ 2s.

Đối với các đường may, thử ba mẫu có mép gấp có chứa đường may chính. Các mẫu phải được lấy theo hướng có đường may chạy chính giữa mẫu thử sao cho ngọn lửa của dụng cụ đốt chạm trực tiếp vào đường may. Đường may phải còn nguyên vẹn.

b) Phải chuẩn bị mẫu thử bằng vải có mép gấp theo cách tương tự như đã sử dụng trên cấu tạo của quần áo

c) Trong trường hợp trang phục có nhiều lớp, thử các mẫu có mép gấp của tổ hợp bộ phận có chứa đường may bằng cách cho ngọn lửa tác dụng lên mép của tổ hợp nhiều lớp.

2.2.3. Sự thay đổi kích thước do làm sạch

Không áp dụng đối với trang phục sử dụng đơn lẻ, trang phục không được phép giặt hoặc giặt khô, hoặc da.

Thay đổi kích thước của vải dệt thoi, vải không dệt và vật liệu tấm không được vượt quá 3% theo chiều dài hoặc chiều rộng. Thử theo TCVN 8041:2009 Vật liệu dệt - xác định sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô

Thay đổi kích thước của vật liệu dệt kim không được co lại quá 5%. Phải đo phần co lại khi mẫu thử không còn nếp gấp và trải phẳng trên một mặt phẳng. Thử theo TCVN 8041:2009

2.3. Yêu cầu vật lý

2.3.1. Độ bền kéo

Độ bền kéo của vật liệu bên ngoài, ngoại trừ da và vật liệu dệt kim, phải tối thiểu là 300N ở cả hướng dọc và hướng ngang. Thử theo ISO 13934-1:1999

Độ bền kéo của vật liệu bên ngoài bằng da phải tối thiểu là 60% ở hai hướng vuông góc khi sử dụng mẫu thử chuẩn được nêu trong Bảng 1 của TCVN 7121:2014 da - phép thử cơ lý - xác định độ bền kéo và độ bền giãn dài. Thử theo TCVN 7121:2014.

2.3.2. Độ bền xé

Vật liệu bên ngoài (trừ da và vật liệu dệt kim) độ bền xé phải tối thiểu là 15N ở cả hướng dọc và hướng ngang. Thử theo ISO 13937-2:2000

Vật liệu bên ngoài bằng da độ bền xé của vật liệu bên ngoài bằng da phải tối thiểu là 20N ở hai hướng vuông góc trên mặt phẳng của vật liệu. Thử theo TCVN 7122-1:2007 Da - phép thử cơ lý - xác định độ bền xé. Phần 1: xé một cạnh.

2.3.3. Độ bền nén nổ đối với vật liệu dệt kim

Độ bền nén nổ của vật liệu bên ngoài bằng vải dệt kim phải tối thiểu là 200kPa. Thử theo ISO 13938-1:1999

2.3.4. Độ bền đường may

Độ bền đường may của vật liệu ngoài hoặc vật liệu làm trang phục bên ngoài của tổ hợp quần áo phải chịu được tải trọng phá hủy ít nhất là 225N đối với vải dệt thoi và 110N đối với da. Thử theo ISO 13935-2:1999

2.4. Yêu cầu ecgônômi

Đánh giá ecgônômi của quần áo theo quy định trong quy chuẩn này phải được thực hiện bằng phép thử tính năng thực tế. Các phép thử thích hợp cho các yêu

cầu này vẫn chưa được công nhận trong phạm vi quốc tế nhưng được đưa tới dạng hướng dẫn trong Phụ lục D của TCVN 6875:2010.

2.5. Hàm lượng chất béo có trong da

Hàm lượng chất béo có trong da phải không vượt quá 15%. Thử theo TCVN 7129:2010 Da - phép thử hóa học - xác định chất hòa tan trong diclometan và hàm lượng axit béo tự do

2.6. Tính không gây hại

Không có bộ phận nào của quần áo được phép tạo ra bất kỳ ảnh hưởng có hại nào cho người mặc. Xác định ảnh hưởng gây hại bằng cách kiểm tra phiếu an toàn kỹ thuật của các vật liệu và bộ phận riêng rẽ.

Đối với vật liệu dệt hoặc đối với da giá trị pH phải > 3,5 và < 9,5. Thử theo TCVN 7422:2007 Vật liệu dệt - phương pháp xác định pH của dung dịch chiết đối với vật liệ dệt và thử theo TCVN 7127:2010 Da- phép thử hóa học - xác định pH đối với da.

2.7. Yêu cầu tính năng truyền nhiệt

2.7.1. Quy định chung

Đối với tất cả các mục đích sử dụng, yêu cầu tính năng tối thiểu phải ít nhất là một trong số các mã hiệu tính năng truyền nhiệt, nghĩa là mã hiệu B, mã hiệu C, mã hiệu D, mã hiệu E, hoặc mã hiệu F, cùng với các yêu cầu tính năng tối thiểu bắt buộc từ mục 2.2 đến mục 2.6 của Quy chuẩn này.

2.7.2. Nhiệt đối lưu (mã hiệu B)

Khi thử theo TCVN 6877:2001 Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa - xác định độ truyền nhiệt khi tiếp xúc với lửa trang phục một hoặc nhiều lớp và/hoặc tổ hợp quần áo dùng để bảo vệ chống nhiệt đối lưu phải đáp ứng ít nhất mức tính năng B1 trong Bảng 1. Số lượng mẫu phải thử được quy định trong TCVN 6877:2001 và phân loại tính năng theo kết quả thấp nhất được làm tròn đến 0,1s.

Bảng 1 - Mức tính năng: thử với nhiệt đối lưu

Mức tính năng	Khoảng HTI[a] 24 giá trị S	
	Tối thiểu	Tối đa
B1	4,0	> 10,0
B2	10,0	< 20,0
B3	20,0	
[a] Chỉ số truyền nhiệt		

2.7.3. Nhiệt bức xạ (mã hiệu C)

Thử theo TCVN 6878:2007 Quần áo bảo vệ - quần áo chống nóng và cháy - phương pháp thử: đánh giá vật liệu và cụm vật liệu khi tiếp xúc với một nguồn nhiệt bức xạ tại mật độ thông lượng nhiệt 20kW/m^2, trang phục một hoặc nhiều lớp và/hoặc tổ hợp quần áo dùng để bảo vệ chống nhiệt bức xạ phải đáp ứng ít nhất mức tính năng C1 trong Bảng 2. Các phép thử đối với vật liệu tráng phủ kim loại phải được thực hiện sau khi xử lý sơ bộ theo quy định trong Phụ lục A của TCVN 6875:2010. Số lượng mẫu phải thử được quy định trong TCVN 6878:2007 và phân loại tính năng theo kết quả thấp nhất được làm tròn đến 0,1s.

Bảng 2 - Mức tính năng: thử với nhiệt bức xạ

Mức tính năng	Hệ số truyền nhiệt RHTI[a] 24 S	
	Tối thiểu	Tối đa
C1	7,0	< 20,0
C2	20,0	< 50,0
C3	50,0	< 95,0
C4	95,0	
[a] Chỉ số truyền nhiệt bức xạ		

QCVN 37:2019/BLĐTBXH

2.7.4. Nhôm nóng chảy văng bắn (mã hiệu D)

Thử theo TCVN 6694:2010 quần áo bảo vệ - đánh giá khả năng chống chịu của vật liệu đối với kim loại nóng chảy văng bắn trang phục một hoặc nhiều lớp và hoặc tổ hợp quần áo dùng để bảo vệ chống nhôm nóng chảy văng bắn phải đáp ứng ít nhất mức tính năng D1 trong Bảng 3.

Bảng 3 - Mức tính năng: nhôm nóng chảy văng bắn

Mức tính năng	**Nhôm nóng chảy văng bắn** g	
	Tối thiểu	Tối đa
D1	100	< 200
D2	200	< 350
D3	350	

2.7.5. Sắt nóng chảy văng bắn (mã hiệu E)

Thử theo TCVN 6694:2010 trang phục một hoặc nhiều lớp và/hoặc tổ hợp quần áo dùng để bảo vệ chống sắt nóng chảy văng bắn phải đáp ứng ít nhất mức tính năng E1 trong Bảng 4.

Bảng 4 - Mức tính năng: sắt nóng chảy văng bắn

Mức tính năng	**Sắt nóng chảy văng bắn** g	
	Tối thiểu	Tối đa
E1	60	< 120
E2	120	< 200
E3	200	

2.7.6. Nhiệt tiếp xúc (mã hiệu F)

Khi thử theo TCVN 6876-1:2010 Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa - xác định sự truyền nhiệt trực tiếp xúc qua quần áo bảo vệ hoặc vật liệu cấu thành - Phần 1: phương pháp thử sử dụng nhiệt tiếp xúc tạo ra bởi ống trụ ra nhiệt tại nhiệt độ 250°C, trang phục một hoặc nhiều lớp và/hoặc tổ hợp quần áo dùng để bảo vệ chống nhiệt tiếp xúc, phải đáp ứng ít nhất mức tính năng F1 trong Bảng 5. Phép thử và số lượng mẫu thử phải được quy định trong TCVN 6876-1:2010 và phân loại tính năng theo kết quả thấp nhất được làm tròn đến 0,1s.

Bảng 5 - Mức tính năng: nhiệt tiếp xúc

Mức tính năng	**Thời gian giới hạn** s	
	Tối thiểu	Tối đa
F1	5,0	< 10,0
F2	10,0	< 15,0
F3	15,0	

2.8. Ghi nhãn

2.8.1. Các yêu cầu về ghi nhãn phải theo quy định trong TCVN 6689:2000 Quần áo bảo vệ - yêu cầu chung và trong điều này và Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và các quy định pháp luật liên quan.

2.8.2. Phải sử dụng biểu tượng như Hình 1.

A B C D v.v.

Hình 1 - Biểu tượng: quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa

2.9. Thông tin cần cung cấp

Phải cung cấp cho khách hàng quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa được cung cấp đầy đủ thông tin bằng tiếng Việt với những thông tin, tất cả các thông tin phải rõ ràng, các thông tin cần phải có:

- Tên và địa chỉ đầy đủ của nhà sản xuất hoặc nhà đại diện được ủy quyền

- Số hiệu Quy chuẩn hoặc Tiêu chuẩn công bố áp dụng

- Giải thích các biểu tượng, các nhãn hiệu và cấp độ thực hiện

- Hướng dẫn sử dụng:

+ Sử dụng; thông tin cơ bản để sử dụng đúng

+ Các giới hạn sử dụng (ví dụ khoảng nhiệt độ v.v..);

+ Hướng dẫn cất giữ và bảo quản, khoảng thời gian tối đa giữa các lần kiểm tra bảo quản

+ Thời hạn sử dụng hoặc khoảng thời gian sử dụng;

+ Cảnh báo để đối phó với các vấn đề bất ngờ gặp phải (nếu cần, minh họa bổ sung)

- Cách đóng gói phù hợp để vận chuyển.

- Phải có hướng dẫn sử dụng các ký hiệu ghi trên nhãn

III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1. Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa sản xuất trong nước

3.1.1. Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa sản xuất trong nước sản xuất trong nước phải được chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy phù hợp với các quy định của pháp luật.

3.1.2. Việc chứng nhận hợp quy do các tổ chức chứng nhận sự phù hợp đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ định thực hiện.

3.1.3. Phương thức thực hiện: thử nghiệm mẫu điển hình kết hợp đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất (Phương thức 3 trong Quy định về công bố hợp chuẩn,

công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

3.2. Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa nhập khẩu

3.2.1. Quần áo bảo hộ chống nhiệt và lửa nhập khẩu phải được chứng nhận hợp quy và đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

3.2.2. Việc chứng nhận hợp quy do các tổ chức chứng nhận sự phù hợp đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ định thực hiện hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài được thừa nhận tiến hành.

3.2.3. Việc chứng nhận hợp quy được thực hiện theo phương thức thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa (Phương thức 7 trong Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

3.2.4. Miễn kiểm tra chất lượng quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa nhập khẩu trong trường hợp thỏa thuận song phương, đa phương giữa các cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước xuất khẩu quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa quy định không phải kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu.

3.2.5. Riêng với sản phẩm mẫu dùng trong mục đích trưng bầy quảng bá sản phẩm, không trực tiếp sử dụng đối với người lao động thì được miễn kiểm tra chất lượng nhập khẩu, số lượng tối đa 5 bộ.

3.3. Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa cung cấp trên thị trường

3.3.1. Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa cung cấp phải có dấu hợp quy, ghi nhãn theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

3.3.2. Tương ứng với tính năng bảo vệ phải có các ký hiệu thể hiện trên phương tiện bảo vệ cá nhân. Ký hiệu này phải được hướng dẫn cách nhận biết tại tài liệu hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

3.3.3. Tổ chức, cá nhân cung cấp quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa phải cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng, bảo quản và kiểm tra trong quá trình sử dụng của nhà sản xuất.

3.4. Quản lý sử dụng quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa

3.4.1. Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa phải được bảo quản trong môi trường khô ráo thoáng mát, cách xa vật phát nhiệt, không bị ảnh hưởng của các dung môi có hại và theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất.

3.4.2. Sử dụng quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa đúng mục đích, theo đúng chức năng và theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất.

3.4.3. Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa phải được kiểm tra theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Không sử dụng quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu hoặc quá thời hạn sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Người sử dụng lao động phải căn cứ vào hướng dẫn sử dụng, bảo quản và kiểm tra trong quá trình sử dụng của nhà sản xuất, xây dựng nội dung kiểm tra tính năng của quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa. Nội dung hướng dẫn kiểm tra phải được phổ biến cho người lao động và treo ở vị trí thuận lợi cho người lao động tự kiểm tra.

Trước khi sử dụng quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa, người lao động phải tự kiểm tra theo hướng dẫn đã được niêm yết tại nơi làm việc.

Việc tự kiểm tra khi sử dụng quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa hàng ngày phải được giám sát và có sổ ghi lại kết quả.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

4.1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, cung cấp và sử dụng quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn này.

4.2. Quy chuẩn này là căn cứ để các cơ quan kiểm tra chất lượng và chứng nhận hợp quy của quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa.

Quy chuẩn này là căn cứ thanh tra nhà nước về lao động và thanh tra an toàn, vệ sinh lao động tiến hành thanh tra, kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Cục An toàn lao động, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn và tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.

5.2. Các cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương có trách nhiệm hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật này.

5.3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm kịp thời phản ánh với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét giải quyết./.

BỘ NỘI VỤ

BỘ NỘI VỤ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2019/TT-BNV	*Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2019*

THÔNG TƯ
Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật

Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành sau đây:

1. Thông tư số 832/TCCP-ĐP ngày 25 tháng 10 năm 1993 của Bộ trưởng - Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn giải quyết tranh chấp đất đai có liên quan đến địa giới hành chính các cấp trong tổ chức thực hiện Chỉ thị số 364-CT ngày 06 tháng 11 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng giải quyết những tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính tỉnh, huyện, xã.

2. Thông tư số 252/TCCP.TC ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng - Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 254 ngày 16 tháng 5 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc các cấp chính quyền hỗ trợ, tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội chữ thập đỏ Việt Nam.